

Bản án số: 77/2022/HS-ST
Ngày: 18/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ ông Lưu Xuân Giới – Cán bộ hưu trí thị xã ĐT

+ ông Trần Văn Nam - Cán bộ hưu trí thị xã ĐT

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã ĐT, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69 /2022/QĐXXST-HS ngày 25/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-HS ngày 05/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Đỗ Ngọc N11 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 30/9/1988 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu CL, phường HQ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Phạm Thị B, sinh năm 1990; có hai con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Nguyễn Văn C1 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 20/10/1978 tại thị xã KM, tỉnh HD; nơi thường trú: thôn TT, xã QT, thị xã KM, tỉnh HD; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921 (đã chết) và bà Ngô Thị N, sinh năm 1932 (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị T3, sinh năm 1976, có hai con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Vũ Đình X - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 23/02/1983 tại huyện TM, tỉnh HD; nơi thường trú: thôn TL, xã HTĐ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T, sinh 1946 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là Lý Thị N, có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Trần Văn N2 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 09/9/1992 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn C, xã YĐ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh 1956 và bà Trần Thị T, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T3, có hai con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Đỗ Văn Kh - Tên gọi khác: T; sinh ngày: 20/7/1986 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn VK, xã LV, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N, sinh 1961 và bà Đặng Thị Th, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Vũ Thị T, có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Nguyễn Văn C2 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 12/02/1981 tại huyện LN, tỉnh HN; nơi thường trú: khu TB, phường HQ; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955 và bà Trần Thị T3, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1984, có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Phạm Thành T3 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 19/03/1988 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu TB, phường HQ; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm

Văn S, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Bùi Thị T3, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Mạc Thị Thu T, sinh năm 1990, có hai con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo Vũ Minh T1 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 19/12/1988 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu CL, phường HQ; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Ngô Thị T3, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Lê Thị Hồng N, sinh năm 1994, có ba con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 18/3/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã ĐT xử phạt 15 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; chấp hành xong bản án ngày 21/4/2012

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo Lưu Tuấn A - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 20/10/1987 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu XC, phường XS; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Minh Đ, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Hoàng Thị C, sinh năm 1989, có hai con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

10. Bị cáo Đoàn Sơn T3 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 18/01/1985 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn VT xã HTĐ; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn S, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1992, có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2022 đến ngày 28/4/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1992; nơi thường trú: thôn VT, xã HTĐ; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng: Cao Ngọc T3, sinh năm 1990, trú tại thôn YD, xã HTĐ, thị xã ĐT; Trịnh Trọng V, sinh năm 1986, trú tại thôn ĐS, xã YĐ, thị xã ĐT; Giang Văn Đ, sinh năm 1985, trú tại tổ 2, khu BT, phường PĐ, thành phố UB anh Ngô Tiến T, sinh 1986 và Phạm Văn T3 sinh 1987, cùng trú tại: khu NHD, phường HQ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Những người làm chứng cùng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 ngày 23/4/2022, sau khi làm xong ca hai, Đỗ Ngọc N1, Nguyễn Văn C1, Vũ Đình X, Trần Văn N2, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn C2, Phạm Thành T3, Vũ Minh T1, Lưu Tuấn A cùng với các anh Ngô Tiến T2, sinh năm 1986; Phạm Văn T3, sinh năm 1987 (đều trú tại khu NHD, phường HQ, thị xã Đông Triều); Cao Ngọc T3, sinh năm 1990, trú tại thôn YD, xã HTĐ, thị xã ĐT; Trịnh Trọng V, sinh năm 1986, trú tại thôn ĐS, xã YĐ, thị xã ĐT; Giang Văn Đ, sinh năm 1985, trú tại tổ 2, khu BT, phường PĐ, thành phố UB, đều là Công nhân phân xưởng K14 Công ty than UB – TKV; đi đến nhà Đoàn Sơn T3 (người cùng phân xưởng) ở khu VT, xã HTĐ, thị xã ĐT, để ăn uống.

Đến khoảng 03 giờ ngày 23/4/2022, Nam rủ mọi người đánh bạc thì một số người đồng ý. Ngay sau đó N1, C1, X, N2, T1 đi vào phòng ngủ của con T3 (cách chỗ lúc trước ngồi ăn, uống khoảng 4 mét). Khi vào trong phòng ngủ, C1 lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn trên bàn học của con T3 rồi cùng X sắp xếp lại các quân bài, đồng thời X bảo C1 lấy tấm thảm lau chân bằng vải, có kích thước (40 x 60)cm để trong phòng đặt ra giữa nền phòng ngủ, mục đích dùng làm chỗ chia và để những quân bài. Lúc này, Kh đang ngủ trên giường trong phòng ngủ nghe thấy tiếng mọi người nói đánh bạc nên đã tỉnh dậy, do muốn tham gia đánh bạc, nhưng Kh chỉ cầm theo 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), nên đã đi ra chỗ T3 đang ngồi ăn uống cùng với các anh Đ, T3 và Ho để hỏi vay tiền của T3. T3 biết một số người đang tập trung trong phòng ngủ của con T3 để đánh bạc, nên T3 đã cho Kh vay 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc cùng mọi người. Sau đó, cả 06 người gồm: N1, X, N2, C1, T1 và Kh ngồi quây xung quanh tấm thảm cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng thắng thua bằng tiền. Cả nhóm quy ước cách thức đánh bạc như sau: Trước khi chia bài, mỗi người bỏ ra 10.000đ (Mười nghìn đồng), là tiền góp "Gà". Mỗi người chơi được chia 03 (ba) lá bài, sau đó, tùy vào bài của từng người mà người chơi sẽ chọn cách thức là "Úp bài" nếu thấy bài quá yếu, hoặc "Theo" tức là đặt cược bằng tiền của người cửa trên đặt, hoặc "Tổ" gấp tiền "Gà" từ 01 (một) đến 10 (mười) lần, tương đương với số tiền từ 10.000đ (Mười nghìn đồng) đến 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Người có bài điểm to nhất sẽ là người thắng và được toàn bộ số tiền của những người chơi còn lại. Thứ tự bài từ to nhất đến bé nhất như sau: Sáp là bộ ba lá bài giống nhau (lớn nhất là A, nhỏ nhất là 2); Liêng là bộ ba lá bài liên tiếp nhau (lớn nhất là QKA; nhỏ nhất là A, 2, 3); Ảnh

là bộ bài có 03 lá bài có đầu người, cao nhất là KKQ và nhỏ nhất là JJA; Không có Sáp, Liêng, Ảnh thì sẽ cộng điểm theo thứ tự các lá bài A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K tương ứng với các điểm là: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 0, 0, 0. Sau đó, cộng điểm của các lá bài chia, cao nhất là 9 (chín) và nhỏ nhất là 0 (không).

Khi N1, X, N2, C1, T1 và Kh đánh bạc được khoảng 15 phút, thì lần lượt C2, H và Tuấn A vào cùng tham gia đánh bạc. Đến 04 giờ 20 phút (cùng ngày) Công an thị xã ĐT phát hiện bắt quả tang Đỗ Ngọc N1, Nguyễn Văn C1, Vũ Đình X, Trần Văn N2, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn C2, Phạm Thành H, Vũ Minh T1, Lưu Tuấn A đang đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng thắng thua bằng tiền. Cùng ngày Đoàn Sơn T3 ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ Thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 5.820.000đ (Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Cụ thể: Thu trên nền nhà tại vị trí 09 (chín) bị can đang ngồi tổng số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) (Trong đó, vị trí X ngồi là 580.000đ (Năm trăm tám mươi nghìn đồng); T1 là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng); Tuấn A là 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng); Nghĩa là 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng); Huy là 940.000đ (C1 trăm bốn mươi nghìn đồng); Kh 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng); C2 là 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng); N1 là 410.000đ (Bốn trăm mười nghìn đồng) và C1 là 1.090.000đ (Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng); trên mặt thảm trải trên nền nhà 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng).

Thu giữ trên người 05 bị cáo tổng số tiền 4.090.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Cụ thể: X là 1.000.000đ (Một triệu đồng); Tuấn A là 1.340.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng); N2 là 1.000.000đ (Một triệu đồng); C2 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng); C1 là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Ngoài ra, còn thu giữ: 01 (một) bộ tú lơ khơ 52 (Năm mươi hai) quân bài, 01 (một) tấm vải kích thước (40 x 60)cm; 10 (mười) điện thoại (Gồm của N1, C1, X, N2, Kh, C2, H, T1, Tuấn A và T3 mỗi người một chiếc).

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Ngọc N1, Nguyễn Văn C1, Vũ Đình X, Trần Văn N2, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn C2, Phạm Thành H, Vũ Minh T1, Lưu Tuấn A, Đoàn Xuân T3 đều khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng thắng thua bằng tiền như đã nêu trên.

Ngoài ra, Trần Văn N2 khai: Khi đến nhà T3, N2 cầm theo 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) và đã sử dụng 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) để đánh bạc, khi đang đánh N2 đã cất giấu 1.000.000đ (Một triệu đồng) vào trong người, đến thời điểm bị bắt đã thua 380.000đ (Ba trăm tám mươi nghìn đồng). Vậy số N2 dùng để đánh bạc là 1480.000đ (trong đó tiền thu trên chiếu bạc của N2 là 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) N2 đã cất trên người).

Vũ Đình X khai: Khi đến nhà T3, X có 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đã sử dụng 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc, đến thời điểm bị bắt đã thua 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của X là 580.000đ (Năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Đỗ Ngọc N1 khai: Khi đến nhà T3, Nam cầm theo 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng), đã sử dụng 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt thua 560.000đ (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của N1 là 410.000đ (Bốn trăm mười nghìn đồng).

Đỗ Văn Kh khai: Khi đến nhà T3, Kh cầm theo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), Kh vay của Tùng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), đã sử dụng 8.000.000đ (Tám trăm nghìn đồng) để đánh bạc và đến thời điểm bị bắt thua 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của Kh là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Nguyễn Văn C2 khai: Khi đến nhà T3, C2 cầm theo 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng), đã sử dụng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt C2 thắng 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của C2 là 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Nguyễn Văn C1 khai: Khi đến nhà T3, C1 cầm theo 1.340.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), đã sử dụng 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt C1 thắng 460.000đ (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của C1 là 1.090.000đ (Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Phạm Thành H khai: Khi đến nhà T3, Huy cầm theo 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), đã sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt Huy thắng 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của Huy là 940.000đ (Chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vũ Minh Tuấn khai: Khi đến nhà Tùng, Tuấn cầm theo 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), đã sử dụng 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc, khi Lưu Tuấn Anh vào tham gia đánh bạc, Tuấn cho Tuấn Anh vay 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt Tuấn thắng 160.000đ (Một trăm sáu mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của T1 là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Lưu Tuấn A khai: Khi đến nhà Tùng, Tuấn Anh cầm theo 1.340.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), Tuấn Anh đã sử dụng 100.000đ (Một trăm nghìn đồng, là tiền vay của Vũ Minh T1) để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt Tuấn Anh thua 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng). Vậy số tiền thu trên chiếu bạc của Tuấn A là 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).

Mặt khác, cả 09 bị cáo Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Vũ Minh Tuấn, Lưu Tuấn Anh khai số tiền 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) thu trên mặt thảm, là tiền của các bị can này đặt tiền "Gà" và tiền "Tổ" để đánh bạc tiếp, nhưng chưa kịp đánh thì bị Công an bắt giữ.

Những người làm chứng gồm các anh Trịnh Trọng Vững, Ngô Tiến Thành, Giang Văn Đàn, Cao Ngọc Hoan, Phạm Văn Hải cùng có lời khai xác định nội dung vụ án như trên.

Tại cáo trạng số 72/CT-VKS-ĐT ngày 27/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Vũ Minh Tuấn, Lưu Tuấn Anh, Đoàn Sơn Tùng, về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị:

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy), xử phạt:

- Bị cáo Đỗ Ngọc Nam, Vũ Minh Tuấn mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Các bị cáo Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn chiến, Phạm Thành Huy, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Đỗ Ngọc Nam; Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Vũ Minh Tuấn cho Ủy ban nhân dân phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Vũ Đình X cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Trần Văn Nghĩa cho Ủy ban nhân dân xã Yên Đức, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Đỗ Văn Kh cho Ủy ban nhân dân xã Liên Vị, thị xã KM, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Văn Chín cho Ủy ban nhân dân xã Quang Thành, thị xã KM, tỉnh Hải Dương, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự).

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Tuấn Anh), xử phạt: Bị cáo Lưu Tuấn Anh, Đoàn Sơn Tùng mỗi bị cáo từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+) Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.820.000 đồng đã sử dụng vào việc đánh bạc. Trả lại 3.090.000 đồng cho các bị cáo Vũ Đình X, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Văn Chín và Lưu Tuấn Anh (Trong đó trả lại bị cáo Tuấn Anh 1.340.000 đồng; X 1.000.000 đồng; Chín 700.000 đồng; Chiến 50.000 đồng), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 16/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Triều với Kho bạc nhà nước Đông Triều)

+) Tịch thu tiêu hủy số công cụ dùng để đánh bạc, gồm 01 bộ bài có 52 quân bài, 01 chiếc thảm vải.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục thi hành án thị xã ĐT với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT ngày 27/6/2022).

Các bị cáo cùng không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập cũng như do người tham gia tố tụng cung cấp được Hội đồng xét xử đánh giá là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đã xác định được như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 23/4/2022, tại nhà Đoàn Sơn Tùng thôn Vĩnh Thái, xã Hồng Thái Đông, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Vũ Minh Tuấn, Lưu Tuấn Anh đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “đánh Liêng” thắng thua bằng tiền, với tổng số tiền đánh bạc là đánh bạc là 6.820.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Đoàn Sơn T3 đồng ý cho các bị cáo khác mượn nhà để đánh bạc và còn trực tiếp cho Đỗ Văn Kh vay 600 .000 đồng để đánh bạc. Đến 04 giờ 20 phút (cùng ngày), khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an thị xã ĐT kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng đã sử dụng để đánh bạc.

[3] Hành vi của Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Vũ Minh Tuấn, Lưu Tuấn Anh, Đoàn Sơn Tùng, về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 321 Tội đánh bạc

1. “ Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT đề nghị kết tội mười bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điều luật cũng như mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố các bị cáo là đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật; luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5] Hành vi của Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Vũ Minh Tuấn, Lưu Tuấn Anh, Đoàn Sơn Tùng là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự công cộng làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật vẫn cố tình phạm tội, vì vậy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; bị cáo Nam là người rủ các bị cáo khác đánh bạc; bị cáo T1 vừa trực tiếp tham gia đánh bạc vừa cho bị cáo Tuấn A vay tiền để tham gia đánh bạc nên hai bị cáo này giữ vai trò C1h ngang nhau trong vụ án; bị cáo C1, X, N2, C2, Kh và Huy là người cùng tham gia đánh bạc nên giữ vai trò sau bị cáo Nam và T1 và phải chịu trách nhiệm ngang nhau trong vụ án; bị cáo Tuấn A, sau khi vay được 100.000 đồng đã tham gia đánh bạc; bị cáo T3 không trực tiếp đánh bạc nhưng cho các bị cáo mượn nhà và cho bị cáo Kh vay 600.000 đồng để Kh đánh bạc, do đó T3 là người giúp sức cho các bị cáo khác phạm tội; nên bị cáo Tuấn A và T3 giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: cả 10 bị cáo cùng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đỗ Ngọc Nam, Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy, Lưu Tuấn Anh, Đoàn Sơn Tùng phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T1 có ông ngoại (cụ Ngô Văn Hữu); bị cáo C1 có mẹ đẻ (là bà Ngô Thị Nghi); bị cáo Tuấn A có ông nội (cụ Lưu Hồng Châu) là những người có công được nhà nước tặng huân, huy chương nên ba bị cáo T1, C1 và Tuấn A cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lưu Tuấn Anh được Tập đoàn than - khoáng sản Việt Nam tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tập đoàn năm 2015 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Sơn Tùng sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cả 10 bị cáo cùng được lãnh đạo Công ty than Uông Bí – TKV làm văn bản đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt vì đều là các công nhân có tay nghề đã nhiều năm gắn bó với công ty nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[8] Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn. Các bị cáo Đỗ Ngọc Nam,

Nguyễn Văn Chín, Vũ Đình X, Trần Văn Nghĩa, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thành Huy đều có nhân thân tốt. Bị cáo Vũ Minh T1 ngày 18/3/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã ĐT xử phạt 15 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; chấp hành xong bản án ngày 21/4/2012; sau khi được xóa án tích bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương C1h sách của Đảng và pháp luật của nhà nước nên cũng được coi là có nhân thân tốt. Do các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà để các bị cáo cải tạo trong sự giám sát giáo dục tại địa phương cũng đủ đảm bảo tính răn đe và giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự quyết định áp dụng đối với các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo với một thời gian thử thách phù hợp.

Bị cáo Lưu Tuấn A và Đoàn Sơn T3 đều có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với hai bị cáo này cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử còn xem xét đến việc các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, các bị cáo phạm tội sau ca làm việc vất vả mang tính nhất thời nên giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được C1h sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

[9] Vật chứng vụ án: 01 tấm vải cùng bộ bài tú lơ khơ của gia đình chị Nguyễn Thị Thu Hằng, không còn giá trị sử dụng, chị Hằng không xin lại nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc bị thu giữ là 6.820.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền 3.090.000đ (Ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ của một số bị cáo là tài sản hợp pháp của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo. Cụ thể trả lại cho X là 1.000.000đ (Một triệu đồng); Tuấn Anh là 1.340.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng); Chiến 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng); Chín là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

[10] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố và xét xử được Hội đồng xét xử đánh giá là hợp pháp.

[11] Bị cáo, người có quyền lợi, N2 vụ liên quan có quyền kháng cáo trong phạm vi và thời hạn luật định.

[12] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[13] Bản án, sau khi có hiệu lực pháp luật được công bố trên công thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhân dân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đỗ Ngọc N 09 (C1) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)

Giao bị cáo Đỗ Ngọc N cho Ủy ban nhân dân phường HQ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T1 09 (C1) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022).

Giao bị cáo Vũ Minh T1 cho Ủy ban nhân dân phường HQ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn Chín, 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Quang Thành, thị xã KM, tỉnh HD giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Vũ Đình X, 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)

Giao bị cáo Vũ Đình X cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái Đông, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Văn Nghĩa 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)

Giao bị cáo Trần Văn N2 cho Ủy ban nhân dân xã Yên Đức; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có

trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đỗ Văn Kh 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)

Giao bị cáo Đỗ Văn Kh cho Ủy ban nhân dân xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn Chiến, 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)

Giao bị cáo Nguyễn Văn C2 cho Ủy ban nhân dân phường HQ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Phạm Thành H, 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án (18/8/2022).

Giao bị cáo Phạm Thành H cho Ủy ban nhân dân phường HQ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lưu Tuấn A 25. 000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đoàn Sơn T3 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú các số: 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114 ngày 17/6/2022 và quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 135p, 135m, 135n, 135l, 135e, 135g, 135h, 135f, 135y, 135x ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT đối với các bị cáo.

Về vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm vải (40x60)cm; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT với Chi cục Thi hành án ĐT ngày 27/6/2022)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là: 6.820.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng);

Trả lại 3.090.000 đồng cho các bị cáo Vũ Đình X, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn C1 và Lưu Tuấn A (Cụ thể trả lại bị cáo Tuấn A 1.340.000 đồng; X 1.000.000 đồng; C1 700.000 đồng; C2 50.000 đồng), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 16/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Triều với Kho bạc nhà nước Đông Triều)

Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Đỗ Ngọc N1, Nguyễn Văn C1, Vũ Đình X, Trần Văn N1, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn C2, Phạm Thành H, Vũ Minh T1, Lưu Tuấn A, Đoàn Sơn T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 332; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi gửi:

- Bị cáo; Người có ql, nv liên quan.
- VKSND thị xã ĐT;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã ĐT;
- Chi cục THADS thị xã ĐT;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh
- Lưu hồ sơ + THA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Năm

